| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH TRÀ VINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 55/2025/DS-PT
Ngày 24 - 02 - 2025
V/v tranh hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tranh chấp thừa kế tài sản

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Lực
*Các Thẩm phán:* Ông **Phạm Văn L**
Ông Đặng Văn Hùng

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Huỳnh Bích Nhân, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:*** Ông Đỗ Thành Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 359/2024/TLPT-DS ngày 24 tháng 12 năm 2024 về việc *"Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tranh chấp chia thừa kế tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 65/2024/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 41/2025/QĐPT-DS ngày 06 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Văn T, sinh năm 1974; cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Tô Thị Mỹ D, sinh năm 1974; cư trú tại số B, đường B, phường C, quận S, thành phố Hồ Chí Minh, theo văn bản uỷ quyền ngày 25/8/2023 (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn H, sinh năm 1971; cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Anh Nguyễn Hoàng V, là Luật sư của Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên Phan Văn H thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Trà Vinh (có mặt).

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Phạm Thị M, sinh năm 1963; cư trú tại ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt);

2. Bà Phạm Thị Y, sinh năm 1966 (có mặt);

3. Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1968 (có mặt);

Cùng cư trú tại ấp L, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

4. Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1994 (có mặt).;

5. Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1990 (có mặt);

6. Chị Lê Thị Tường V, sinh năm 1989 (có đơn xin vắng mặt);

7. Chị Danh Thị T, sinh năm 2003 (có đơn xin vắng mặt)

Cùng cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người kháng cáo:* Ông Phạm Văn H là bị đơn trong vụ án.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/11/2022, đơn khởi kiện bổ sung ngày 1801/2024 và trong quá trình tham gia tố tụng bà Tô Thị Mỹ D là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Phạm Văn T trình bày:*

Cha mẹ ông T là cụ Phạm Văn L (chết năm 2004) và cụ Võ Thị D (chết năm 2021). Cụ L và cụ D có 07 người con gồm: Bà Phạm Thị M; bà Phạm Thị Y, bà Phạm Thị Ửng (chết năm 1972, không có chồng con), ông Phạm Văn Đ, Phạm Văn H, ông Phạm Văn T, ông Phạm Văn Luận (chết năm 2000, không có vợ con). Lúc sinh thời cụ L và cụ D tạo lập được tài sản là 04 thửa đất gồm: Thửa đất số 307A, diện tích 2360m$^2$, tờ bản đồ số 4, loại đất LUC; Thửa đất số 308, diện tích 800m$^2$, tờ bản đồ số 4, loại đất NTD (trên đất có nhà của bà Phạm Thị M cho con sử dụng và phía sau nhà bà M là mồ mã); thửa đất số 1586, diện tích 330m$^2$, tờ bản đồ số 4, loại đất BHK; thửa đất số 1588, diện tích 4.005m$^2$, tờ bản đồ số 4, loại đất BHK (trên thửa đất này có 04 ngôi mộ của thân tộc), cùng tọa lạc ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Thửa đất 307A, 308, 1586 và 1588 được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ cụ Võ Thị D đứng tên, hiện do ông H đang quản lý, sử dụng. Cụ L chết không để lại di chúc, cụ D khi còn sống có lập di chúc ngày 07/4/2016 để lại cho ông T được thụ hưởng, ông H không đồng ý chia thừa kế cho ông T nên phát sinh tranh chấp. Ông T yêu cầu chia thừa kế tài sản là của cụ Võ Thị D đối với 04 thửa đất 307A, 308, 1586 và 1588 nêu trên, trừ phần lối đi ngang 02m (giáp chùa) đi vào mộ, trừ phần diện tích 500m$^2$ thuộc một phần thửa đất 1588 cho ông H, trừ phần đất cụ D chuyển nhượng cho bà M chiều ngang 07m, dài đến nền mộ (khoảng 17m) thuộc một phần thửa 308, yêu cầu chia theo di chúc lập ngày 07/4/2016 cho ông T được hưởng diện tích 1.700m$^2$ thửa đất số 307A, phần diện tích đất còn lại của 04 thửa đất 307A, 308, 1586 và 1588 chia thừa kế theo pháp luật cho các đồng thừa kế. Đối với cây trái trên đất sau khi phân chia nằm trên phần đất của ai được hưởng thì người đó tiếp tục quản lý, sử dụng.

** Bị đơn ông Phạm Văn H trình bày:*

Ông thống nhất lời trình bày của ông T về quan hệ huyết thống và tài sản của cha mẹ là cụ Phạm Văn L và cụ Võ Thị D chết để lại là 04 thửa đất 308, thửa 1586, thửa 307A và thửa 1588. Ngày 30/6/2011 mẹ ông là cụ Võ Thị D đã lập giấy ủy quyền cho ông 03 thửa đất 307A, thửa 1586 và thửa 1588, có xác nhận

của Ban nhân dân ấp 3, các con không ai được quyền tranh chấp, 04 thửa đất này hiện do ông quản lý. Quá trình sử dụng đất, năm 1990 chị ông là bà Phạm Thị Y đem thửa đất 307 (nay là thửa 1588) diện tích 2.910m$^2$ cầm cố cho bà Lê Thị N số tiền 900.000 đồng và cầm cố thửa 307A cho ông Phạm Văn Â 04 chỉ vàng 24Kra, số tiền cầm cố đất trên cưới vợ cho ông Đ. Lúc này bà M, bà Y và ông Đ đều có gia đình ra riêng, còn ông T đi thành phố Hồ Chí Minh lập nghiệp không ai chịu trả nợ tiền cầm cố đất nên bà Y giao đất cho ông Â, bà N. Năm 1994 **ông Â**, **bà N** khởi kiện và Tòa án tỉnh xử buộc giao đất trả lại cho gia đình ông và ông là người lao động chính có nghĩa vụ trả nợ cho bà N, ông Â. Ngày 17/12/2005 cụ D ủy quyền cho ông Đ 01 công tầm cấy diện tích 1.200m$^2$ thuộc một phần thửa 307 (nay là thửa 1588), đến ngày 11/8/2008 ông Đ làm giấy tay chuyển nhượng cho ông nhưng chưa làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất. Đến năm 2007 cụ bà Diệp chuyển nhượng cho bà Đỗ Thị Tdiện tích 510m$^2$ (nay là thửa 1480) được tách ra từ thửa 309 với số tiền 100.000.000 đồng để cụ D dưỡng già. Tuy nhiên số tiền này, bà Y về mượn của cụ D 55.000.000 đồng để trừ vào tiền đất bà Y nợ **bà T** trước đó nên cụ D chỉ nhận tiền đất 45.000.000 đồng. Sau đó bà Y báo cho cụ D số tiền bà Y mượn 55.000.000 đồng của cụ D trừ vào tiền cha ông cụ Phạm Văn L nợ bà Y, nhưng anh em không ai biết. Năm 2008 ông T về xin đất cất nhà cho cụ D ở và cụ D đồng ý cho thửa 1587 diện tích 263m$^2$, nhưng ông T gửi tiền xây nhà không đủ nên ông bán vàng chuyển nhượng đất của **bà T** giao để phụ xây dựng nhà cho ông T. Ngày 19/3/2011 cụ D làm giấy tay chuyển nhượng cho bà M diện tích chiều ngang 17,7m dài tới mộ khoảng 17m thuộc một phần thửa 308 (cặp lộ nhựa), giá 14 chỉ vàng 24Kra để cụ D dưỡng già, hiện nay bà M cất nhà cho con ở hết phần đất đã nhận chuyển nhượng. Ông không đồng ý yêu cầu chia thừa kế theo di chúc của cụ Võ Thị D lập ngày 07/4/2016 vì di chúc không hợp pháp và lúc cụ D còn sống đã cho cho ông T thửa 1587, diện tích 263m$^2$ và thửa 1589, diện tích 330m$^2$ được chiết ra từ thửa 307. Nếu chia thừa kế 04 thửa đất trên thì phải trừ phần mộ, phần lối đi vào mộ, phần chuyển nhượng cho bà M diện tích ngang 17,7m dài tới mộ khoảng 17m thuộc một phần thửa 308 và trừ phần diện tích ông Đ đã chuyển nhượng cho ông 500m$^2$ thuộc thửa 1588. Diện tích đất còn lại ông đồng ý giải quyết theo pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị M có đơn yêu cầu độc lập trình bày:*

Bà thống nhất lời trình bày của ông T về quan hệ huyết thống và 04 thửa đất 308, thửa 1586, thửa 307A và thửa 1588 là tài sản của cha mẹ là cụ Phạm Văn L và cụ Võ Thị D chết để lại. Bà yêu cầu các thừa kế phải tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích chiều ngang 17,7m, chiều dài tới mộ thuộc một phần thửa 308 theo tờ chuyển nhượng ngày 19/3/2011 âm lịch. Diện tích còn lại của 04 thửa đất trên (sau khi trừ phần mộ, phần lối đi vào mộ, phần chuyển nhượng cho bà diện tích ngang 17,7m dài tới mộ thuộc một phần thửa 308 và trừ phần diện tích ông Đ đã chuyển nhượng cho ông H 500m$^2$ thuộc thửa 1588), bà yêu cầu được hưởng 1/5 diện tích trong 04 thửa đất trên, vị trí đất bà được hưởng phải có một phần là mặt tiền giáp lộ.

** Người có quyền, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Y trình bày:*

Bà thống nhất lời trình bày của ông T về quan hệ huyết thống và 04 thửa đất 308, thửa 1586, thửa 307A và thửa 1588 là tài sản của cha mẹ là cụ Phạm Văn L và cụ Võ Thị D chết để lại. Bà không có cầm cố đất như ông H trình bày mà do cha ruột cụ Phạm Văn L lúc còn sống cầm cố đất thửa 307 cho **bà N**, **ông Â**. Sau đó, cha mẹ bà có mượn của bà 01 cây vàng và 20.000.000 đồng để trả cho **ông Â**, **bà N**, sau khi mẹ bà chuyển nhượng đất cho **bà T** đã trả lại tiền và vàng cho bà xong. Bà yêu cầu chia thừa kế đối với 04 thửa đất 308, thửa 1586, thửa 307A và thửa 1588 như sau: Thửa đất số 1586, thửa 1588 (sau khi trừ 500m$^2$ phần ông Đ bán cho ông H) và thửa 308 phân chia theo pháp luật cho bà được hưởng diện tích 1/5 diện tích. Không chấp nhận phần chuyển nhượng cho bà M diện tích ngang 17,7m dài tới mộ thuộc một phần thửa 308 mà chỉ đồng ý ngang 07m dài đến nền mộ (khoảng 17m) của thửa 308. Thửa đất số 307A phân chia theo di chúc lập ngày 07/4/2016 cho ông T được hưởng diện tích 1.700m$^2$, phần diện tích còn lại của thửa đất này chia cho bà được hưởng 1/5 diện tích, nhưng phải có một phần là mặt tiền giáp lộ. Đối với cây trái trên đất sau khi chia nằm trên phần đất của ai được hưởng thì người đó tiếp tục quản lý sử dụng không tranh chấp.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn Đ trình bày:*

Ông thống nhất lời trình bày của ông T về quan hệ huyết thống và 04 thửa đất 308, thửa 1586, thửa 307A và thửa 1588 tài sản của cha mẹ là cụ Phạm Văn L và cụ Võ Thị D chết để lại. Ông yêu cầu sau khi trừ phần mộ, trừ phần lối đi ngang 02m (giáp chùa) đi vào mộ, trừ phần diện tích 500m$^2$ trong thửa đất 1588 cho ông H, trừ phần đất cụ D chuyển nhượng cho bà M chiều ngang 07m dài đến nền mộ (khoảng 17m) thuộc một phần thửa 308 và chia theo di chúc lập ngày 07/4/2016 cho ông T được hưởng diện tích 1.700m$^2$ thửa đất số 307A. Phần còn lại của 04 thửa đất 308, thửa 1586, thửa 307A và thửa 1588 chia cho các anh chị em theo pháp luật.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Minh T, anh Nguyễn Văn S cùng có lời trình bày:*

Các anh là con ruột của bà Phạm Thị M. Vào ngày 19/3/2011 mẹ ông có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà ngoại tên Võ Thị D diện tích ngang 17,7m dài tới mộ thuộc một phần thửa 308 và đã xây nhà cho chúng tôi ở cho đến nay, các ông không có yêu cầu gì, mọi vấn đề do mẹ các anh quyết định.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2024/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn T về yêu cầu chia thừa kế theo di chúc.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Phạm Thị M về yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 19/3/2011 âl (nhằm ngày 21/4/2011 dương lịch).

- Ông Phạm Văn T được hưởng diện tích 92m$^2$ thuộc thửa đất số 1586 loại đất BHK, vị trí phần (D1), toạ lạc tại Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh, thể hiện trong sơ đồ khu đất kèm theo Công văn số 296/CNCL, ngày 06/8/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C.

- Ông Phạm Văn T được hưởng diện tích 827,8m$^2$ thuộc thửa đất số 1588 loại đất BHK, vị trí phần (A6), toạ lạc tại Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh, thể hiện trong sơ đồ khu đất kèm theo Công văn số 296/CNCL, ngày 06/8/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C.

- Ông Phạm Văn T được hưởng diện tích 1199,3m$^2$ (trong đó diện tích 1.099,65m$^2$ được hưởng theo di chúc) thuộc thửa đất số 307A loại đất LUC, vị trí phần (B1), toạ lạc tại Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh, thể hiện trong sơ đồ khu đất kèm theo Công văn số 296/CNCL, ngày 06/8/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C.

- Ông Phạm Văn T phải hoàn lại giá trị chênh lệch cho bà Phạm Thị Y số tiền 12.128.928 đồng.

- Ông Phạm Văn H được hưởng diện tích 1000m$^2$ thuộc thửa đất số 307A loại đất LUC, vị trí phần (B2), toạ lạc tại Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh, thể hiện trong sơ đồ khu đất kèm theo Công văn số 296/CNCL, ngày 06/8/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C

- Ông Phạm Văn H được hưởng diện tích 187m$^2$ thuộc thửa đất số 1588 loại đất BHK, vị trí phần (A8), toạ lạc tại Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh, thể hiện trong sơ đồ khu đất kèm theo Công văn số 296/CNCL, ngày 06/8/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C

- Ông Phạm Văn H được hưởng diện tích 44,4m$^2$ thuộc thửa đất số 308 loại đất NTD, vị trí phần (C4), toạ lạc tại Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh, thể hiện trong sơ đồ khu đất kèm theo Công văn số 296/CNCL, ngày 06/8/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C.

- Ông Phạm Văn H được công nhận diện tích 500m$^2$ thuộc thửa đất số 1588 loại đất BHK, vị trí phần (A4), toạ lạc tại Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh, thể hiện trong sơ đồ khu đất kèm theo Công văn số 296/CNCL, ngày 06/8/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C.

- Ông H được nhận phần công sức và giá trị chênh lệch còn thiếu từ bà Phạm Thị M số tiền 26.590.512 đồng *(Hai mươi sáu triệu năm trăm chín mươi ngàn năm trăm mười hai đồng)*.

- Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 19/3/2011 âl (nhằm ngày 21/4/2011 dương lịch) cho bà Phạm Thị M được quyền sử dụng đất diện tích 292,9m$^2$ và hưởng phần di sản diện tích 35,5m$^2$ cùng thuộc thửa đất số 308 loại đất NTD, vị trí phần (C3), (C6), cùng toạ lạc tại Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh, thể hiện trong sơ đồ khu đất kèm theo Công văn số 296/CNCL, ngày 06/8/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C.

- Bà Phạm Thị M được hưởng diện tích 1.650m$^2$ thuộc thửa đất số 1588 loại đất BHK, vị trí phần (A3), toạ lạc tại Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh, thể hiện trong sơ đồ khu đất kèm theo Công văn số 296/CNCL, ngày 06/8/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C

Bà Phạm Thị M phải hoàn lại giá trị chênh lệch cho ông Phạm Văn H số tiền 26.590.512 đồng và hoàn lại giá trị chênh lệch cho bà Phạm Thị Y số tiền 2.392.016 đồng.

- Ông Phạm Văn Đ được hưởng diện tích 246,5m$^2$ thuộc thửa đất số 1586 loại đất BHK, vị trí phần (D2), toạ lạc tại Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh, thể hiện trong sơ đồ khu đất kèm theo Công văn số 296/CNCL, ngày 06/8/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C.

- Ông Phạm Văn Đ hoàn lại giá trị chênh lệch cho bà Phạm Thị Y số tiền 28.302.528 đồng.

- Bà Phạm Thị Y được hưởng diện tích 42,8m$^2$ thuộc thửa đất số 308 loại đất NTD, vị trí phần (C5), toạ lạc tại Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh, thể hiện trong sơ đồ khu đất kèm theo Công văn số 296/CNCL, ngày 06/8/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C.

- Bà Phạm Thị Y được hưởng diện tích 677m$^2$ thuộc thửa đất số 1588 loại đất BHK, vị trí phần (A2), toạ lạc tại Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh, thể hiện trong sơ đồ khu đất kèm theo Công văn số 296/CNCL, ngày 06/8/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C.

- Bà Phạm Thị Y được nhận giá trị chênh lệch từ ông Phạm Văn Đ số tiền 28.302.528 đồng, nhận giá trị chênh lệch từ ông Phạm Văn T số tiền 12.128.928 đồng và nhận giá trị chênh lệch từ bà Phạm Thị M số tiền 2.392.016 đồng.

- Bà Phạm Thị M, bà Phạm Thị Y, ông Phạm Văn Đ, ông Phạm Văn H và ông Phạm Văn T đồng quyền sử dụng chung phần lối đi gồm: diện tích 118,8m$^2$ thuộc thửa đất số 1588 loại đất BHK, vị trí phần (A5); diện tích 171,7m$^2$ thuộc thửa đất số 307A loại đất LUC, vị trí phần (B3) và diện tích 84,5m$^2$ thuộc thửa đất số 308 loại đất NTD, vị trí phần (C1) và phần nền mộ gồm: diện tích 136,5m$^2$ thuộc thửa đất số 1588 loại đất BHK, vị trí phần (phần A7); diện tích 567,1m$^2$ thuộc thửa số 308 loại đất NTD, vị trí phần (C2), đất cùng toạ lạc tại Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh, trong sơ đồ khu đất kèm theo Công văn số 296/CNCL, ngày 06/8/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên, nghĩa vụ chịu án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và quyền thỏa thuận, tự nguyện yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 08/10/2024, ông Phạm Văn H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa án sơ thẩm chấp nhận cho ông Đ hưởng toàn bộ các thửa đất 307A, 308, 1586 và 1588 nêu trên, bác yêu cầu của ông T, bà M, bà Y và ông Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên yêu cầu độc lập, ông Phạm Văn H yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát Viên tại phiên tòa cho rằng ông Thạch Huỳnh L được phân công giải quyết vụ án đã hết nhiệm kỳ Thẩm phán từ ngày 05/9/2024, đến ngày 20/11/2024 mới có quyết định bổ nhiệm lại, nhưng ngày 25/9/2024 ông Llàm Chủ tọa phiên tòa xét xử vụ án là vi phạm Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự hủy án sơ thẩm giao hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân huyện C xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của ông Phạm Văn H còn trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Ông Thạch Huỳnh L được phân công giải quyết vụ án đã hết nhiệm kỳ Thẩm phán từ ngày 05/9/2024, đến ngày 20/11/2024 mới có quyết định bổ nhiệm lại, nhưng ngày 25/9/2024 ông L làm Chủ tọa phiên tòa xét xử vụ án là vi phạm Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét thấy, án sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa, giao hồ sơ cho Tòa nhân dân huyện C xét xử lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Do hủy án sơ thẩm nên ông Phạm Văn H là người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTV QH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

**1.** Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2024/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh xét xử tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tranh chấp về thừa kế tài sản giữa nguyên đơn ông Phạm Văn T với bị đơn ông Phạm Văn H. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị huyện C để xét xử sơ thẩm lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

**2.** Về án phí và chi phí tố tụng:

- *Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:* Sẽ được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

*Về án phí dân sự phúc thẩm*: Ông Phạm Văn H không phải chịu. Hoàn trả cho ông H 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 0004514 ngày 08/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Lực**